

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
Về phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030

I- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Lạng Sơn là tỉnh miền núi với tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp là 617.766,84 ha, chiếm 74,34% diện tích tự nhiên của tỉnh. Sản xuất lâm nghiệp có vai trò, vị trí quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, nhất là các vùng khó khăn, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo bền vững. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TU, ngày 11/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011 - 2020, đã tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của việc phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; công tác quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh, phát triển kinh tế từ rừng có nhiều tiến bộ; tốc độ tăng trưởng lâm nghiệp đạt 5,8%/năm, độ che phủ rừng năm 2020 đạt 63,0%.

Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh còn có một số hạn chế, yếu kém: Chất lượng, năng suất, giá trị kinh tế của rừng trồng chưa cao, chế biến sâu chưa được quan tâm; công tác chỉ đạo thực hiện chưa quyết liệt, hiệu quả, thiếu đồng bộ từ thu hút đầu tư, xây dựng cơ chế, chính sách, quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, tổ chức sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật đến thị trường tiêu thụ sản phẩm; việc hỗ trợ người dân vay vốn chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác quản lý đất lâm nghiệp còn bất cập, còn tình trạng xâm lấn, tranh chấp, san ủi đất rừng trái phép ở một số địa bàn; thu hút nguồn lực đầu tư, các dự án về phát triển lâm nghiệp còn ít. Việc hỗ trợ, hướng dẫn người dân tìm hiểu và phát triển rừng chưa tích cực.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, Nhân dân về vai trò, vị trí của ngành lâm nghiệp còn hạn chế; chưa quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; một số nơi dân cư phân tán, địa hình núi cao, hạ tầng giao thông khó khăn, khó áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến để tạo quy mô hàng hoá lớn; hạ tầng thông tin chưa phát triển, hiệu quả tuyên truyền, giáo dục pháp luật về công tác bảo vệ và phát triển rừng còn thấp.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển lâm nghiệp bền vững phải phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, quy hoạch phát triển kinh tế

- xã hội của tỉnh; phát triển đồng bộ từ khâu giống đến trồng rừng, cải tạo rừng, quản lý, bảo vệ, khai thác, chế biến lâm sản, dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp, hình thành chuỗi giá trị, mang lại giá trị kinh tế cao.

Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả giá trị tổng hợp của rừng; xã hội hóa nguồn lực, thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế lâm nghiệp theo cơ chế thị trường; thúc đẩy tham gia hội nhập sâu, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ lâm sản bảo đảm tính bền vững.

Gắn phát triển lâm nghiệp bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững để nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành lâm nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, giúp cho người dân nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thoát nghèo, làm giàu từ rừng; gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng điểm, đóng góp ngày càng tăng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, nâng cao năng suất rừng trồng sản xuất, trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, đáp ứng cho chế biến, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ đáp ứng được các tiêu chuẩn của thị trường quốc tế, khả năng cạnh tranh cao.

Bảo đảm sự tham gia rộng rãi, bình đẳng của các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư, huy động các nguồn lực xã hội vào quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Phát huy tiềm năng, vai trò, tác dụng của rừng, phát triển bền vững ngành lâm nghiệp; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp các dịch vụ sinh thái rừng; góp phần giảm nghèo bền vững, cải thiện sinh kế cho người dân nông thôn miền núi, biên giới, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, giữ vững quốc phòng an ninh.

Thiết lập quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững đất, rừng được quy hoạch cho lâm nghiệp; bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, phục hồi rừng tự nhiên nhằm bảo tồn lâu dài, bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, nguồn gen cây rừng, bảo tồn thiên nhiên. Triển khai thực hiện tốt Đề án trồng một tỷ cây xanh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2021 - 2025:

Tăng trưởng giá trị của ngành lâm nghiệp đạt 7,0-7,2%/năm; giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2025 (theo giá thực tế) đạt 5.600 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu gỗ, các

sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ đạt 510 tỷ đồng; thu tiền dịch vụ môi trường rừng 31,49 tỷ đồng; năng suất gỗ rừng trồng đạt 15-18 m³/ha/năm; sản lượng khai thác gỗ đạt 350.000 m³/năm; sản lượng hoa Hôi khô đạt 13.000 tấn/năm; sản lượng nhựa Thông đạt 30.000 tấn/năm; sản lượng hạt Sỡ đạt 6.000 tấn/năm; sản lượng vỏ Quế đạt 600 tấn/năm; sản xuất cây giống lâm nghiệp đạt 200 triệu cây/năm; trồng rừng mới hằng năm 9.000 ha, trong đó trồng rừng gỗ lớn 800 ha/năm; trồng được liệu dưới tán rừng 400 ha/năm; diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn quốc tế (FSC hoặc PEFC) đạt 5.000 ha; 05 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được thiết lập; độ che phủ rừng đạt 65,0% vào năm 2025.

b) Giai đoạn 2026 - 2030:

Tăng trưởng giá trị của ngành lâm nghiệp đạt 7,2-7,4%/năm; giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2030 (theo giá thực tế) đạt 7.100 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu gỗ, các sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ đạt 1.000 tỷ đồng; thu tiền dịch vụ môi trường rừng 40,85 tỷ đồng; năng suất gỗ rừng trồng đạt 18-20 m³/ha/năm; sản lượng khai thác gỗ đạt 600.000 m³/năm; sản lượng hoa Hôi khô đạt 15.000 tấn/năm; sản lượng nhựa Thông đạt 40.000 tấn/năm; sản lượng hạt Sỡ đạt 7.000 tấn/năm; sản lượng vỏ Quế đạt 3.000 tấn/năm; sản xuất cây giống lâm nghiệp đạt 250 triệu cây/năm; trồng rừng mới hằng năm 10.000 ha, trong đó trồng rừng gỗ lớn 1.500 ha/năm; trồng được liệu dưới tán rừng 500 ha/năm; diện tích rừng được cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn quốc tế (FSC hoặc PEFC) đạt 10.000 ha; 10 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được thiết lập; độ che phủ rừng đạt 67,0% vào năm 2030.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và Luật Lâm nghiệp; xác định rõ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị; là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của các cấp, các ngành; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương phải chịu trách nhiệm chính về các vụ phá rừng, cháy rừng, mất rừng thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn mình quản lý hoặc để tổ chức, cá nhân cấp dưới vi phạm các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng.

Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện; nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển lâm nghiệp bền vững; đối với các đơn vị (huyện, xã) có lợi thế phát triển lâm nghiệp, xây dựng Nghị quyết chuyên đề của cấp ủy đảng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế lâm nghiệp.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về lâm nghiệp

Đổi mới nội dung, phương pháp, cách thức tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về lâm nghiệp để tạo chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm

và hành động của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; nhân rộng, phát huy các mô hình quản lý bảo vệ rừng có hiệu quả dựa vào hương ước, quy ước của thôn bản; thấy rõ được vai trò quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, các hiệp hội, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực áp dụng, ứng dụng giống mới, quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất để nâng cao hiệu quả, giá trị kinh tế lâm nghiệp; tham gia quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và thực hiện tốt vai trò giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về lâm nghiệp

Đổi mới phương pháp quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách về phát triển lâm nghiệp. Kiện toàn, củng cố bộ máy quản lý Nhà nước về lâm nghiệp, các Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững từ tỉnh đến cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp bền vững. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý; sự phối hợp giữa các sở, ngành để thực hiện quyết liệt, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, thiết lập trật tự, kỷ cương trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao trình độ quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật trong các cơ quan, đơn vị, bộ phận quản lý nhà nước về lâm nghiệp từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng lực lượng Kiểm lâm đủ mạnh để thực thi hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; bố trí đủ cán bộ được đào tạo về chuyên ngành lâm nghiệp thực hiện nhiệm vụ phụ trách lâm nghiệp tại các đơn vị chuyên môn cấp xã, cấp huyện.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và hiệu quả tổ chức sản xuất lâm nghiệp

Quản lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo đúng quy định pháp luật; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang mục đích khác; kiên quyết đình chỉ, thu hồi đất đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng có sai phạm, có nguy cơ thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái; rà soát, xử lý các dự án chậm tiến độ, không hiệu quả theo quy định của pháp luật. Hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ địa chính, giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các Công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng. Đẩy nhanh thực hiện phương án sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường giao về địa phương quản lý, sử dụng; cơ bản giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp, đặc biệt là giữa hộ gia đình, cá nhân với các công ty lâm nghiệp.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2030; Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo hướng nâng cao

chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng; các thành phần kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân) tham gia tổ chức sản xuất lâm nghiệp có hiệu quả trong phạm vi diện tích đất được giao, cho thuê. Thiết lập các hình thức liên kết, hỗ trợ phát triển, hợp tác xã sản xuất lâm nghiệp; khuyến khích vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong thiết lập chuỗi liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với các hộ gia đình, hợp tác xã, phân đầu mỗi sản phẩm lâm nghiệp chính (gỗ, nhựa thông, hoa hòe, quế, sớ,...) có chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến sâu đến xuất khẩu. Xây dựng và phát triển thương hiệu gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

Phát triển hạ tầng lâm nghiệp phục vụ cho công tác vận xuất, vận chuyển, trồng và khai thác lâm sản, phòng cháy chữa cháy rừng; tăng dần diện tích rừng đạt tiêu chuẩn cấp Chứng chỉ rừng FSC và chứng nhận sản xuất hữu cơ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của thị trường thế giới; phát triển vùng trồng rừng tập trung, các loại cây nguyên liệu gỗ và lâm sản ngoài gỗ có thế mạnh của tỉnh; các loài cây gỗ lớn bản địa; trồng cây dược liệu dưới tán rừng; khoanh nuôi và phục hồi rừng phòng hộ, đặc dụng, xây dựng vườn thực vật rừng đặc dụng để bảo tồn các loài cây đặc hữu, cây bản địa; sản xuất cây giống chất lượng cao phục vụ cho trồng rừng.

5. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển lâm nghiệp

Cụ thể hóa các chính sách của Trung ương về phát triển lâm nghiệp; đề xuất ban hành, sửa đổi bổ sung một số chính sách hỗ trợ cho lâm nghiệp của tỉnh; thu hút nguồn vốn ODA trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; lồng ghép nguồn vốn các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên cùng địa bàn để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, hộ gia đình tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển rừng; sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ quỹ bảo vệ và phát triển rừng.

6. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ

Xác định ứng dụng công nghệ là động lực, tạo đột phá cho phát triển lâm nghiệp, trong đó tập trung ưu tiên: Xây dựng vườn ươm ứng dụng công nghệ cao nhằm chủ động đáp ứng nhu cầu giống tốt trồng rừng thâm canh, trồng rừng gỗ lớn; nghiên cứu chọn tạo giống; xác định cơ cấu cây rừng phù hợp với các vùng sinh thái để nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng; áp dụng kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao trong việc trồng, chăm sóc, khai thác rừng trồng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng và quản lý đất lâm nghiệp; ứng dụng khoa học công nghệ vào chế biến sâu lâm sản và lâm sản ngoài gỗ theo hướng hiện đại, thông minh, hiệu quả, an toàn và bền vững, nhằm tạo ra các mặt hàng đa dạng, chất lượng cao, có thương hiệu, đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển thị trường tiêu thụ lâm sản

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, trọng tâm là các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, đào tạo nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến xuất khẩu gỗ và lâm sản; nhập khẩu và sản xuất giống cây lâm nghiệp chất lượng cao; cấp chứng chỉ rừng, hạ tầng lâm nghiệp, trồng rừng gỗ lớn,...

Tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển đa dạng hóa thị trường tiêu thụ lâm sản của tỉnh, nhất là các thị trường tiềm năng. Tiếp tục tổ chức các hội nghị quảng bá, giới thiệu tiềm năng sản phẩm, các hoạt động kết nối thị trường... để mở rộng, tìm kiếm cơ hội tiêu thụ sản phẩm đến nhiều thị trường trên thế giới; thúc đẩy kết nối doanh nghiệp đầu tư chế biến, bao tiêu sản phẩm.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, ban hành các Nghị quyết về quy hoạch, cơ chế chính sách và giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ trì, phối hợp với các ban xây dựng đảng, Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện.

4. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, các ban đảng, đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; xây dựng nghị quyết chuyên đề, chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng, | (báo cáo)
- Ban cán sự đảng Bộ NN&PTNT, |
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Lâm Thị Phương Thanh